

CÔNG TY CỔ PHẦN

KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B- Phù Đổng Thiên Vương – Đà Lạt – Lâm Đồng

Điện thoại: (063).3832511 – 3828127 Fax: (063).3830142 - 554065

Email: lbm@lbm-vn.vn

Website: www.lbm-vn.vn



L B M

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Năm báo cáo: 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 059249 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp

Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt Lâm đồng

Số điện thoại: 0633.828127 - Số fax: 0633.554065

Website: www.lbm-vn.vn

Mã cổ phiếu: LBM

2. Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hoạt động của Công ty:

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thành lập theo quyết định số 981/QĐ-UB ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Khi thành lập Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bó - Di linh (Công ty cổ phần Hiệp Thành hiện nay) và Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh VLXD Đức Trọng và 03 phân xưởng SX đá xây dựng. Nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng, tổng số lao động có 123 người - trong đó có 06 lao động có trình độ đại học và 11 lao động có trình độ trung cấp.

Tháng 12/1999 Công ty thực hiện cổ phần hoá Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bó Di linh thành Công ty cổ phần Hiệp thành - vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ.

Tháng 11/2002, Trung tâm Giới thiệu và Kinh doanh VLXD được tách ra thành lập Công ty cổ phần Hiệp Phú - vốn điều lệ 03 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 35% vốn điều lệ.



Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 35/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 17/3/2003 và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 - vốn điều lệ 10 tỷ đồng, đến quý IV/2004 tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.

- Ngày 20/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM). Năm 2007 Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41.355.560.000 đ.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 thay đổi lần 4 ngày 18/06/2007 đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng . Hiện nay Cty đã bổ sung thêm ngành nghề và đăng ký thay đổi giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 059249 lần thứ 7 vốn điều lệ 85 tỷ đồng.

- Ngày 01/10/2011 Công Ty đã đầu tư vốn 100 % để thành lập Cty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát là Công Ty con

Quá trình phát triển:

Qua nhiều năm hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10% năm, tổng tài sản trên 150 tỷ đồng. Đội ngũ lao động có năng lực và tâm huyết với công việc, với sự phát triển của Công ty. Tổng số lao động hiện có năm 2013 là 464 người (Trong đó tại Cty mẹ đến thời điểm cuối năm là 294 người giảm so với đầu năm 20 người) Trong đó đại học là 50 người, có trình độ cao đẳng, trung cấp, lao động có tay nghề 311 người và 103 công nhân lao động phổ thông.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất nhập khẩu. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. San lấp mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà. Vận chuyển hàng hóa. Trồng rừng.

– Địa bàn kinh doanh:

Công Ty hoạt động tại trụ sở chính tại 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt Lâm Đồng gồm:

Văn phòng Công Ty: 17 B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Các Xí nghiệp thành viên:

- Xí nghiệp Hiệp An: Hiệp An – Đức Trọng
- Xí nghiệp Hiệp Lực: Cam Ly Đà Lạt – Nthôn Hạ - Đức Trọng
- Xí nghiệp Hiệp Tiến: Lộc Tân – Bảo Lộc
- Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Thạnh Mỹ- Đơn Dương

Công ty con:

- Công ty CP Hiệp Thành: Tam Bồ - Di Linh
- Công ty CP Hiệp Thịnh Phát: 17 B Phù Đổng Thiên Vương – Đà Lạt

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

Chủ tịch hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc điều hành công ty

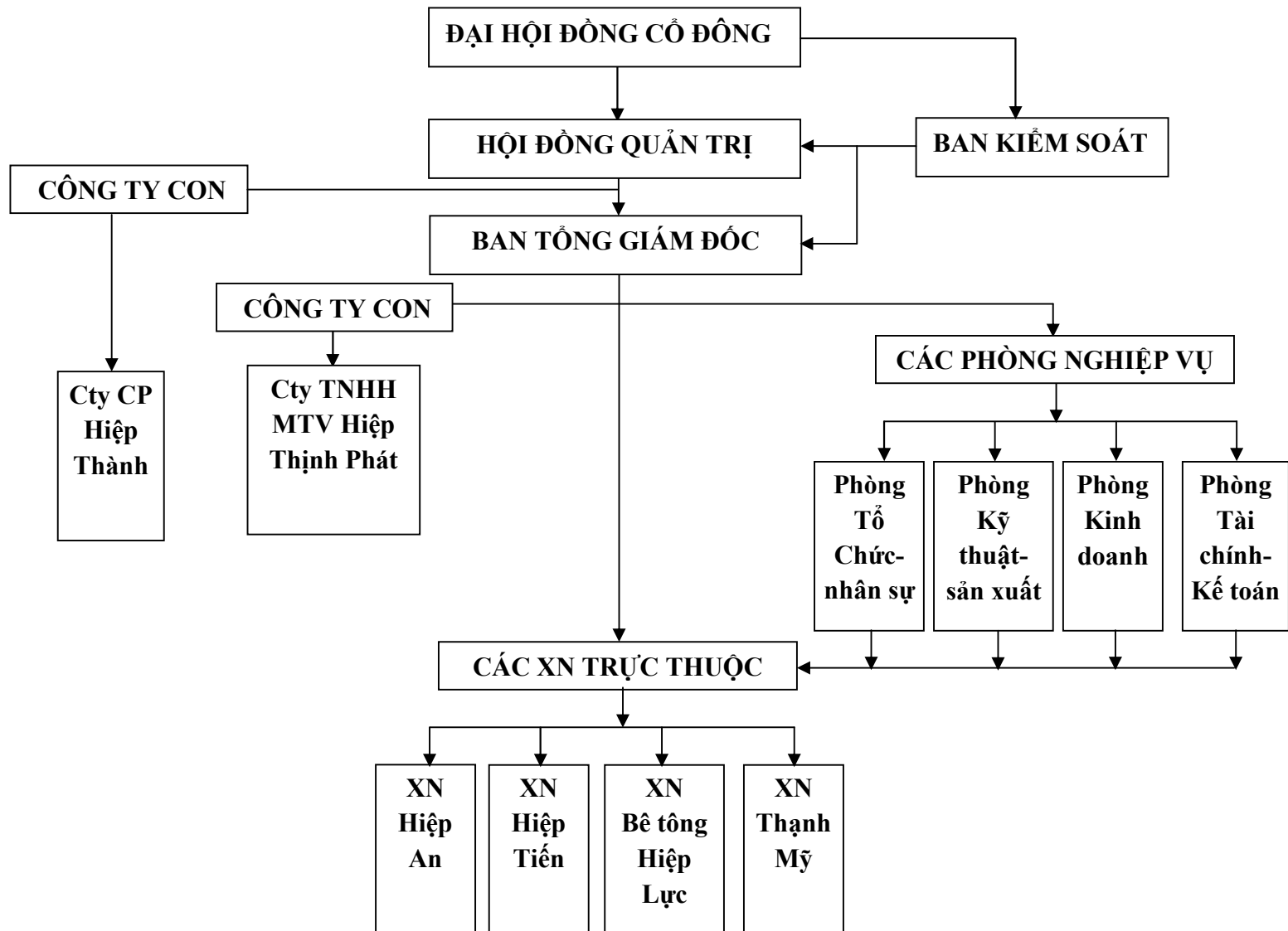
- Cơ cấu bộ máy quản lý.



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065





Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

- Công Ty CP Hiệp Thành: Địa chỉ Tam Bó - Di Linh. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh gạch ngói tụy nen, vận tải hàng hóa, Thi công cơ giới, san lấp mặt bằng, tư vấn đầu tư chuyển giao công nghệ. Vốn điều lệ thực góp: 7.360.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 58,48%
- Công Ty CP Hiệp Thịnh Phát: Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương – Đà Lạt - Lâm Đồng. Ngành nghề kinh doanh: Chế biến khai thác khoáng sản, vận tải, Trồng và chăm sóc rừng. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu 100%.

4. Định hướng phát triển

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.*

Mục tiêu chủ yếu của Công Ty là phát triển sản phẩm từ khai thác mỏ khoáng sản và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đẩy mạnh sản phẩm xuất khẩu nhằm thu lợi ích kinh tế từ nguồn ngoại tệ.

Xây dựng Công ty phát triển bền vững và ổn định. Phần đầu tốc độ tăng trưởng về doanh thu công nghiệp bình quân 10% đến 15% /năm, mức cổ tức đạt 15 %/năm trong năm 2013 và thấp nhất là 15% cho các năm tiếp theo. Nâng cao khả năng tự tích lũy của công ty

- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Để phù hợp với tình hình mới, Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh một cách linh hoạt và vận dụng các kiến thức mới.

+ Ưu tiên đầu tư cho công tác thị trường, trong đó: Xác định độ lớn thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm theo yêu cầu của thị trường hiện hữu, tích cực tìm kiếm thị trường tiềm năng nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và phục vụ tốt cho việc hoạch định chiến lược đầu tư phát triển (đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, đầu tư mới);

+ Thực hiện quảng bá thương hiệu, các hoạt động xúc tiến thương mại: Với mục tiêu quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng, Công ty tích cực thực hiện việc quảng cáo, tham gia các hội chợ chuyên ngành trong nước, trong khu vực, tham dự các giải thưởng về chất lượng sản phẩm, chất lượng quản lý, phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hoá.

Tập trung đầu tư chiều sâu cho các Xí nghiệp có lợi thế về công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường nhằm tạo năng lực sản xuất mới, tăng sản lượng sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và đem lại hiệu quả cao. Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất các Xí nghiệp hiện hữu trên cơ sở tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhằm tăng doanh thu công nghiệp.

- Đầu tư tìm kiếm các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ cho kế hoạch phát triển sản phẩm mới, kể cả việc hình thành các nhà máy mới.

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các loại sản phẩm mới như: sứ dùng cho hoá chất, cho công nghệ đúc và các lĩnh vực khác.



- Đầu tư các chương trình và phần mềm quản lý theo từng hệ hoặc một số phân hệ cần thiết trước nhằm tăng hiệu quả trong công tác quản lý điều hành. Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính và các biện pháp quản trị trong hoạt động chứng khoán của Công ty.

- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: sắp xếp lại nhân sự quản lý nhằm giảm chi phí nhưng vẫn đảm bảo năng suất và hiệu quả công việc để tăng thu nhập cho người lao động. Có chính sách thu hút đãi ngộ lao động, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc (đầu tư thêm các thiết bị, công cụ làm việc hiện đại, tính tự động hoá cao...) nhằm hỗ trợ công việc đạt hiệu quả; phân phối lương, thưởng, thu nhập phù hợp đảm bảo kích thích sự sáng tạo và cải tiến trong công việc. Trong xu thế ngày càng cạnh tranh về nguồn nhân lực - đặc biệt là lao động có năng lực và lao động có tay nghề cao - ngoài chính sách đãi ngộ và thu hút Công ty sẽ đầu tư nhiều hơn cho công tác đào tạo trong đó chú trọng nguồn nhân lực trẻ.

– *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.*

Việc khai thác các mỏ khoáng sản trong địa phương đôi khi cũng có ảnh hưởng đến môi trường khai thác (Công Ty cũng có thực hiện nhiều biện pháp khắc phục). Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường thường xuyên thay đổi cũng có ảnh hưởng đến giá thành. Công tác vệ sinh an toàn đối với sản xuất Công ty đưa vào trọng tâm cần quan tâm. Thu nhập và môi trường làm việc đối với người lao động cũng được Công Ty chú trọng (thu nhập người lao động thời vụ luôn đảm bảo trên mức lương tối thiểu vùng và thu nhập thường xuyên của người lao động làm việc tại Công Ty năm 2013 đạt 91,6% so với kế hoạch nhưng tăng 5% so với cùng kỳ năm trước). Hàng năm Công Ty tổ chức thăm hỏi các hộ nghèo vùng sâu trong Tỉnh. Kịp thời động viên thăm hỏi chia sẻ vật chất tinh thần đối với CBCNV Công Ty gặp khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo...)

5. Các rủi ro:

Kinh tế vẫn còn trong giai đoạn khó khăn, sức tiêu thụ của thị trường còn chậm, Việc giảm đầu tư công dẫn đến nhiều công trình xây dựng phải dừng thi công nên sẽ tác động lớn đến việc tiêu thụ vật liệu xây dựng. Sẽ có những biến động kinh tế vĩ mô và các chủ trương chính sách của Nhà nước. Khó khăn hơn về quản lý khai thác mỏ khoáng sản, tính cạnh tranh của thị trường ngày càng quyết liệt hơn về giá cả, chất lượng sản phẩm, phương thức thanh toán.

Những hạn chế nội tại:

- Công tác hạch toán xây dựng giá thành sản phẩm còn chậm, chưa bám sát thực tế những biến động về chi phí trong sản xuất nên thiếu sự linh động trong bán hàng.

- Tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ ổng sứ còn hạn chế.

- Công tác thu hồi công nợ chưa quyết liệt, đặc biệt là công nợ khó đòi.

- Thực hiện các thủ tục xin gia hạn giấy phép khai thác mỏ còn chậm; Công tác khảo sát, tìm kiếm vùng nguyên liệu chưa được quan tâm đúng mức.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:



Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (tình hình tài chính, lợi nhuận của Cty tại thời điểm cuối năm 2013 – Báo cáo hợp nhất):

Tổng DT thực hiện 203,83 tỷ đồng so với năm 2012 là 202,99 tỷ đồng đạt 100,45% so với năm trước và đạt 99,9% KH năm 2013. Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 1,652 triệu USD tăng 7,7 % so với năm 2011 và đạt 144 % KH năm.

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 25,28 tỷ đồng. Trong đó: Từ SXKD 23,9 tỷ, từ đầu tư tài chính 1,38 tỷ.
- Thu nộp ngân sách: 17,851 tỷ đồng tăng 15,6% so với năm trước.
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty: 131,049 tỷ đồng Bao gồm:
 - * Vốn cổ đông: 85 tỷ đồng.
 - * Thặng dư vốn cổ phần: 21,37 tỷ đồng.
 - * Cổ phiếu quỹ: 4,37 tỷ đồng
 - * Các quỹ của Công ty: 29,04 tỷ đồng.
- Các khoản nợ phải thu cuối kỳ: 19,21 tỷ, giảm 16,6 % so với năm trước do khách hàng trả nợ.
- Các khoản nợ phải trả cuối kỳ: 20,32 tỷ, giảm 11,5 % so với năm trước.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận chủ yếu so với kế hoạch:

ĐVT triệu đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% THỰC HIỆN
- Doanh thu	204.000	203.835	99,9
Trong đó: Xuất khẩu (triệu USD)	1,700	1,652	97,1
- Tổng chi phí	179.200	178.783	99,8
Trong đó: + CP quản lý	20.803	21.183	101,8
+ KH TSCĐ	14.609	15.882	108,7
- Lợi nhuận trước thuế	24.800	25.282	101,9
- Nộp ngân sách	15.800	17.851	112,9
- Thu nhập người lao động	6,950/tháng	6,369/tháng	91,6
- Thu nhập ròng / Cổ phiếu	1,500	2,173	144,8
- Cổ tức / Cổ phiếu	1,5	1,5	100,0

- Cổ tức trên cổ phiếu đạt 15%/ 8.157.500 CP (theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2013 là 15%)

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

1. Tổng Giám Đốc:

1. Họ và tên : Nguyễn An Thái
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 28/04/1966



-
5. Nơi sinh : Phù Cát – Vĩnh Phú – Nghĩa Bình
 6. Quốc tịch : Việt Nam
 7. Chứng minh nhân dân số : 250376502
 8. Dân tộc : Kinh
 9. Quê quán : Nghĩa Bình
 10. Địa chỉ thường trú : 17 Hẻm 1 Hoàng diệu –ĐaLạt
 11. Trình độ văn hoá : 12/12
 12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
 13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 05/1990 – 12/1996: Trưởng Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/1997- 9/2001: CBộ kỹ thuật CTy VLXD Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2003- 09/2006: P Giám đốc – Xí nghiệp Hiệp An Lâm Đồng
 - Từ tháng 10/2006-6/20141: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An Lâm Đồng
 - Từ tháng 07/2011 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
 14. Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

2. Phó Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên : Võ Xuân Sơn
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 19/04/1957
5. Nơi sinh : Hải Châu – Đà Nẵng
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Chứng minh nhân dân số : 200187306
9. Quê quán : Hải Châu – Đà Nẵng
10. Địa chỉ thường trú : Hiệp Thạnh – Đức Trọng – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.554070
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 01/1981: Nhân viên Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1987: Phó Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1990: Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2001: Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng



- Từ tháng 05/2003 đến 01/07/2013: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

- Từ 01/07/2013 đến nay: Thời giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty, chuyển sang Phụ trách công tác Đoàn thể cổ phần Khoáng sản và Vật Liệu Xây dựng Lâm Đồng

14. Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phó Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên : Đặng Ngọc Hải
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 16/01/1960
4. Nơi sinh : Mỹ Lộc – Nam Định
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Chứng minh nhân dân số : 250530095
8. Quê quán : Mỹ Lộc – Nam Định
9. Địa chỉ thường trú : Hiệp An – Đức Trọng – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.832511
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 05/1983: Nhân viên Kỹ thuật - Xí nghiệp Cơ Khí Lâm Đồng.
 - Từ tháng 07/1985: PT Kỹ thuật - Xí nghiệp Cơ Khí Lâm Đồng –
 - Từ tháng 10/1998: P Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/2004: Phó Giám đốc XN XL Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/2006: Giám đốc XN BT Hiệp Lực Công ty CP KS và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
- Từ tháng 10/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần KS & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng

4. Phó Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên : Trần Đại Hiền
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 22/10/1972
4. Nơi sinh : Phường Tây Lộc – Thành Phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh



7. Chứng minh nhân dân số : 250 666 692
8. Quê quán : Thừa Thiên Huế
9. Địa chỉ thường trú : 29/6 Trần Bình Trọng Phường 5 – Đà Lạt – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 0633 832511
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 02/1995: Nhân viên phòng Kế hoạch Kỹ thuật – Công ty Công nghiệp Đá Xuất khẩu Lâm Đồng.
 - Từ tháng 03/2000: Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật – Công ty Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng
 - Từ tháng 3/2003: Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật – Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Long.
 - Từ tháng 01/2004: Nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
 - Từ tháng 07/2013: Phó tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng

5. Kế Toán Trưởng

1. Họ và tên : Phạm Thị Mỹ Dung
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 14/10/1961
4. Nơi sinh : Đà Lạt Lâm Đồng
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Chứng minh nhân dân số : 250190341
8. Quê quán : Quảng Nam Đà Nẵng
9. Địa chỉ thường trú : Đà Lạt Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.3828127
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 02/1980: Nhân viên Kế Toán - CTy Cơ Khí Nông nghiệp Lâm Đồng.
 - Từ tháng 02/1981: Nhân viên Kế Toán - CTy Cung ứng vật tư Lâm Đồng.
 - Từ tháng 10/1983: Kế Toán tổng hợp - CTy Cung ứng vật tư Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/1987: Kế toán trưởng XN Liên hiệp cung ứng vật tư Lâm Đồng



- Từ tháng 04/1993: Kế toán trưởng XN kinh doanh PT Nhà Lâm Đồng
- Từ tháng 01/1995: Kế toán trưởng XN Xây Lắp Cty Vật liệu Xy Dụng Lâm Đồng
- Từ tháng 02/1999: PPKế Toán Cty Vật liệu Xây Dụng Lâm Đồng
- Từ tháng 06/2006 đến 15/2/2014: Kế Toán Trưởng Cty Cổ phần KS &Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

14. Chức vụ công tác hiện nay: Không

- Những thay đổi trong Ban Điều hành:

+ Ngày 01 tháng 7 năm 2013: Ông Võ Xuân Sơn – Thành viên Hội đồng Quản trị thôi giữ chức Phó tổng Giám đốc Công ty theo nguyện vọng.

+ Ngày 01 tháng 7 năm 2013 bổ nhiệm Ông Trần Đại Hiền – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty giữ chức Phó Tổng Giám Đốc Công Ty. Ban Điều hành được trả lương theo quy định trả lương do Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Khi điều hành Công ty thực hiện hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra thì được thưởng tùy theo mức độ thực hiện.

-Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2013 là 468 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CBCNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Đại học	34	7,3
	Cao đẳng, trung cấp	1	0,2
	Lao động có tay nghề		
Khối sản xuất	Đại học	16	3,5
	Cao đẳng, trung cấp	41	8,8
	Lao động có tay nghề	269	58,0
	Lao động phổ thông	103	22,2
	Tổng cộng	464	100

d/. Chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Tại Văn phòng Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới thứ sáu, các bộ phận trong Văn phòng Công ty nếu vì nhu cầu công việc thì làm cả ngày thứ bảy, chủ nhật. Tại các XN trực thuộc nếu yêu cầu hàng hóa trong sản xuất người lao động có thể làm thêm ngày thứ bảy, CN và làm thêm ca. Người lao động được hưởng các chế độ phụ cấp làm thêm an giữa ca, ca 3 BHLĐ và các điều kiện khác.

+Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu như có trình độ chuyên môn cơ bản, phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học



hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập.

+ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

- Bảo hiểm: Năm 2013 Công Ty đã có chính sách thay đổi đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc. Theo đó, Công ty sẽ đóng 100% các loại bảo hiểm bắt buộc cho người lao động có hợp đồng lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2013, Công ty tiếp tiến hành đầu tư nâng cao công suất sản xuất, thay đổi máy móc thiết bị cũ, lạc hậu và máy móc phụ trợ phục vụ cho quá trình sản xuất để mở rộng thị trường.

Tổng vốn đầu tư trong năm 2013: 31.5 tỷ đồng (trong đó Vốn đầu tư tại Công ty mẹ là 30.0 tỷ đồng)

Cụ thể một số hạng mục:

ĐVT: triệu đồng

STT	Hạng mục	Vốn đầu tư
1	Xây dựng văn phòng chính	4.480,8
2	Đề bù mỏ đá	571,8
3	Đầu tư hệ nghiền đá 250 tấn/h	4.140,4
4	Đầu tư xe chở xi măng, xe vận chuyển bê tông	4.671,6
5	Xe bơm cần (bơm bê tông)	5.125,6
6	Trạm trộn bê tông	955,9
7	Cải tạo, sửa chữa máy móc, mặt bằng	2.636,8
8	Thiết bị cơ giới phục vụ khai thác mỏ, sản xuất	5.957,5
9	Các hạng mục khác	1.484,55
10	Đầu tư thiết bị tại công ty con	1.479,3

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Tình hình tài chính đến 31/12/2013 của Công ty con như sau:

Khoản mục	CTy CP Hiệp Thành	CTy TNHH MTV HIỆP THỊNH PHÁT	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	20.709.223.910	7.997.342.758	
Tài sản dài hạn	4.867.193.134	4.078.306.009	
Nợ ngắn hạn	5.249.547.926	6.754.916.639	
Nợ dài hạn			



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Vốn chủ sở hữu	20.326.869.118	5.320.732.128	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.600.000.000	4.771.017.491	
Cổ phiếu quỹ			
Doanh thu thuần	35.306.705.925	26.330.087.347	
Lợi nhuận sau thuế	4.417.859.223	1.215.244.074	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.560		

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	157.013.431.559	159.886.318.477	1,82%
Doanh thu thuần	202.236.802.692	202.685.873.020	0,22%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	18.051.578.309	25.244.190.335	39,84%
Lợi nhuận khác	-49.122.009	38.566.354	178,51%
Lợi nhuận trước thuế	18.002.456.300	25.282.756.689	40,44%
Lợi nhuận sau thuế	14.395.793.347	19.064.025.115	32,43%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	13%	15%	15,38%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,06 lần	3,77 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,91 lần	2.20 lần	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Nợ/Tổng tài sản	16,8%	12,76%	
+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	21,78%	15,56%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	5 lần	5 lần	



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	128,2%	126,8%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,12%	9,4%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	11,86%	14,5%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,17%	11,9%	
	8,93%	12,45%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 8.157.500 cổ phần
- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

b) *Cơ cấu cổ đông (Theo danh sách chốt ngày 16/10/2013)*

Đơn vị tính: 1.000 đ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng số vốn chủ sở hữu	83.917.850	98,73	1.082.150	1,27	85,000,000	100
<i>A. Cổ đông chưa lưu ký</i>	<i>147,140</i>	<i>0,17</i>			<i>147,140</i>	<i>0,17</i>
1. Cổ đông nhà nước						
2. Cổ đông đặc biệt						
-Cổ đông HĐQT	77,740	0,09			77,740	0,09
- Ban kiểm soát						
- Kế Toán trưởng						
3. Cổ đông cá nhân	69,400	0,08			69,400	0,08
4. Cổ đông tổ chức						
<i>B. Cổ đông đã lưu ký</i>	<i>83.770.710</i>	<i>98,56</i>	<i>1.082.150</i>	<i>1,27</i>	<i>84,852,860</i>	<i>99,83</i>
1. Cổ đông nhà nước	10				10	
2. Cổ đông đặc biệt						
- Cổ đông HĐQT	49.848.550	58,65			49.848.550	58,65
<i>Trong đó đại diện cho Tổ chức là:</i>	<i>48.410.450</i>	<i>56,95</i>			<i>48.410.450</i>	<i>56,95</i>
- Ban kiểm soát	451.930	0,53			451.930	0,53



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

- Ban Tổng giám đốc	703.400	0,83			703.400	0,83
- Kế Toán trưởng	463.000	0,54			463.000	0,54
3. Cổ đông cá nhân	28.800.440	33,89	834.150	0,98	29.634.590	34,87
4. Cổ đông tổ chức	78.380	0,09	248.000	0,29	326.380	0,38
5. Cổ phiếu Quỹ	3,425,000	4,03			3,425,000	4,03
6. Cổ đông tự doanh						

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ ngày 01/01/2013: 342.500 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ ngày 31/12/2013: 342.500 cổ phần
- Trong năm Công ty không mua, bán cổ phiếu quỹ.

e) Chứng khoán khác: Hiện tại Công ty không có chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện 203,83 tỷ đồng so với năm 2012 là 202,99 tỷ đồng đạt 100,4% so với năm trước đạt 99,9% kế hoạch năm (không tính Doanh thu nội bộ). Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 1,652 triệu USD tăng 7,7 % so với năm 2012 và đạt 97,1% KH năm.

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 25,28 tỷ đồng so với kế hoạch 24,8 tỷ, đạt 101,9%. Trong đó: Từ SXKD 23,9 tỷ, từ đầu tư tài chính 1,34 tỷ. Năm 2013 tổng nộp ngân sách đạt 17,85 tỷ. Cổ tức đạt 15 %/năm (NQ ĐHCĐ năm 2012 là 15 %/).

*** Tiền lương:** Công Ty từng bước hoàn chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng tiên tiến, thực hiện khoán sản phẩm nhằm khuyến khích và tăng năng suất lao động. Thu nhập bình quân: đạt 6.369.593đồng/người/ tháng, tăng 5% so với năm 2012.



**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2013
(CHI TIẾT ĐƠN VỊ)**

Chỉ tiêu	CTy CP Khoáng Sản & VLXD (Công ty mẹ)	Hiệp Thịnh Phát (CTy con)	Hiệp Thành (CTy con)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	183.759.748.490	26.330.087.347	35.306.705.925
2. Các khoản giảm trừ	1.149.461.176	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-	-
- Giảm giá hàng bán	32.838.607	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-	-
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	1.116.622.569	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	182.610.287.314	26.330.087.347	35.306.705.925
4. Giá vốn hàng bán	139.001.846.083	21.861.664.156	29.196.809.702
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	43.608.441.231	4.468.423.191	6.109.896.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.589.024.909	2.580.423	604.350.457
7. Chi phí tài chính	39.038.689	-	-
- Trong đó: Lãi vay phải trả	3.449.747	-	-
8. Chi phí bán hàng	8.397.365.730	896.137.050	56.294.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.545.565.571	2.335.866.930	2.335.061.831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	22.215.496.150	1.238.999.634	4.322.890.758
11. Thu nhập khác	4.807.702.633	90.909.091	116.179.539
12. Chi phí khác	4.944.970.085	10.043.750	21.211.074
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	-137.267.452	80.865.341	94.968.465
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	22.078.228.698	1.319.864.975	4.417.859.223
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.829.714.610	104.620.901	1.191.710.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	17.248.514.087	1.215.244.074	3.226.148.311

Trong năm 2013 trong tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên các loại sản phẩm VLXD của Công Ty phần lớn cũng chiếm lĩnh được thị trường trong địa phương, đặc biệt là sản phẩm Bê tông thương phẩm đang có uy tín tại thị trường trong Tỉnh. Sản phẩm xuất khẩu tuy không tăng trưởng mạnh nhưng cũng giữ được thị trường các nước tiêu thụ như những năm trước. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, công tác kiểm soát các khoản chi phí giảm đáng kể dẫn đến lợi nhuận thực tế từ hoạt động sản xuất kinh doanh (30,3 tỷ đồng) tăng cao so với năm trước và kế hoạch ĐHCĐ giao năm



2013. Tuy nhiên để lành mạnh tài chính Công Ty đã xử lý vào kết quả kinh doanh năm một số khoản còn tồn tại từ những năm trước như: Trích dự phòng phải thu khó đòi, trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thanh lý những tài sản không cần dùng dẫn đến lợi nhuận trước thuế báo cáo còn 25.28 tỷ đồng cụ thể:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	THỰC HIỆN (%)
- Doanh thu	204.000	203.835	99,9
Trong đó: Xuất khẩu	1.700USD	1.652 USD	97,1
- Tổng chi phí	179.200	178.783	99,8
Trong đó: + CP quản lý	20.803	21.183	101,8
+ KH TSCĐ	14,609	15.882	108,7
- Lợi nhuận trước thuế	24.800	25.282	101,9
- Nộp ngân sách	15.800	17.851	90,8
- Cổ tức / Cổ phiếu	1.5	1.5	100

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:*

- Phân công chỉ đạo và điều hành theo nghiệp vụ chuyên môn.
- Phân định công tác nghiệp vụ và công tác quản trị.
- Bổ nhiệm và thay đổi các chức danh cho phù hợp với mô hình Công ty.

**Những cải tiến về chính sách, quản lý:*

- Áp dụng quy chế tiền lương, thưởng tiên tiến; thực hiện thưởng từng quý cho những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ; thưởng đột xuất cho những cá nhân có những sáng kiến, cải tiến trong kỹ thuật, quản lý ... mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.

- Quản lý theo kế hoạch; theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành và thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức trong thời gian 06 tháng, 01 năm.

- Phân định trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Phòng nghiệp vụ, Giám đốc Xí nghiệp.

**Các biện pháp kiểm soát các hoạt động của Công ty:*

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, quý.
- Báo cáo của các Giám đốc Xí nghiệp, Phòng nghiệp vụ.
- Báo cáo nhanh hàng tuần.
- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ.
- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư vùng nguyên liệu đá xây dựng, cao lanh, betonite với tổng giá trị dự kiến: 13 tỷ đồng
- Đầu tư nhà máy sản xuất gạch không nung phục vụ cho các công trình xây dựng cơ bản
- Giải pháp công nghệ nung, sấy để tiết kiệm nhiên liệu than, tiết kiệm chi phí nguyên nhiên liệu, giảm chi phí trong sản xuất nhằm tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm.



-Hợp tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất thức ăn gia súc từ nguyên liệu Bentonite Tam Bó - Di Linh

Tìm kiếm thị trường để tăng sản lượng tiêu thụ ống sứ chịu nhiệt, vật liệu chịu lửa, cao lanh HTK, cao lanh DQK.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản:

Khoản mục	31/12/2012	31/12/2013	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	80.665.126.621	76.693.059.099	-4,92%
Tài sản dài hạn	76.348.304.938	83.193.259.378	8,96%
Nợ ngắn hạn	26.371.697.331	20.327.114.238	-22,92%
Nợ dài hạn	70.000.000	70.000.000	0,00%

- Tài sản ngắn hạn giảm 4,92% do:

- + Tiền gửi (giảm 4 tỷ đồng) có kỳ hạn rút ra để đầu tư máy móc thiết bị.
- + Nợ phải thu giảm do thu được nợ khách hàng.

- Tài sản dài hạn tăng 8,96% do Công ty tiến hành đầu tư đổi mới máy móc thiết bị sản xuất và đầu tư xe máy phụ trợ khai thác mỏ.

- Nợ ngắn hạn giảm 22,92% do các khoản phải trả người bán giảm so với năm 2012 (cụ thể: dư Nợ phải trả người bán cuối năm 2013 là 5,6 tỷ so với năm 2012 là 10,4 tỷ - giảm 4,8 tỷ)

Tính đến 31/12/2013, Công ty đã tiến hành trích lập các khoản dự phòng và xử lý tài sản như sau:

- + Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: 785.811.821 đồng
- + Trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 840.843.293 đồng
- + Thanh lý tài sản không cần dung: 2.126.001.093 đồng
- + Thanh toán tiền thôi việc trong quá trình sắp xếp lao động: 674.520.659 đồng

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả giảm 22,92 % so với cùng kỳ năm trước do Công Ty đảm bảo các thời gian thanh toán cho nhà cung cấp nguyên vật liệu để được hưởng giá tốt nhất.

c- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2013 là: 85.000.000.000 đồng.

- + Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 8.500.000 Cổ phiếu phổ thông.
- + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 8.157.500 cổ phiếu phổ thông
- + Cổ phiếu Quỹ: 342.500 cổ phiếu
- + Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 15 %

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý: Với mô hình quản lý mới Công Ty từng bước đi vào ổn định về mặt quản lý chung. Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty cần tiếp tục hoàn thiện bằng những quy chế riêng cho từng lĩnh vực và được kiểm soát thường xuyên.



4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Trong tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn như hiện nay, Công Ty có những chiến lược về đầu tư thiết bị, sản phẩm mới nhằm đáp ứng và chiếm lĩnh thị phần trong địa phương, trong nước và xuất khẩu. Tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm sản xuất, Tăng cường thu hồi công nợ, giảm tối đa vay Ngân hàng.

+ Về Công ty con: Tăng cường công tác quản trị, phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu xã hội, loại bỏ những chi phí bất hợp lý để hạ giá thành sản phẩm, tăng dần lợi nhuận sau thuế theo từng năm. Đảm bảo lợi nhuận hàng năm tăng trưởng từ các Công Ty con.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2013 trong tình hình kinh tế khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã thay đổi đáng kể như: Đầu tư máy móc thiết bị phụ trợ trong quá trình khai thác mỏ để hạn chế một số dịch vụ mua ngoài như Chi phí khai thác, vận chuyển vật tư hàng hóa ... mang lại lợi ích đáng kể cho Công ty, mặt khác để lành mạnh tài chính HĐQT đã quyết liệt trong chỉ đạo giải quyết lao động dôi dư, trích các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thanh lý TSCĐ không cần dùngmang lại lợi nhuận rất tốt cho cổ đông. Thu nhập của người lao động được đảm bảo. Cổ tức chia cho cổ đông đạt kế hoạch đề ra (15%).

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã từng bước thực hiện được các nội dung chỉ đạo của Nghị Quyết HĐQT. Trong điều hành SXKD với mô hình quản lý mới đã cắt giảm và nắm bắt được các khoản chi phí không hợp lý, giảm giá thành sản phẩm tạo được sự cạnh tranh trong thị trường. Tính đến cuối năm 2013 không còn nợ vay ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn trên 17 tỷ đồng.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế để có những quyết sách phù hợp, cùng với Ban Tổng giám đốc đưa Công ty phát triển ổn định, bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị: có 07 thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:



STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Đình Hiền	CTịch HĐQT	Không điều hành	13.474	0,17
2	Phạm Tuấn Anh	TV HĐQT	Không điều hành	2.000	0,02
3	Lương Minh Nhật	TV HĐQT	TV Độc lập	3.104	0,03
4	Lê Xuân Diệp	TV HĐQT	TV Độc lập	103.360	1,27
5	Võ Xuân Sơn	TV HĐQT	Không điều hành	31.000	0,38
6	Trần Đại Hiền	TV HĐQT	Kiểm P. Tổng giám đốc	1.750	0,02
7	Hầu Văn Tuấn	TV HĐQT	Không điều hành	0	0

+ Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

Cơ cấu như sau: 01 TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty.

Thời điểm 3 tháng đầu năm 2013 gồm 05 TV HĐQT, trong ĐHCĐ thường niên năm 2013 đã bầu bổ sung 02 Thành viên HĐQT là Ông Trần Đại Hiền và Hầu Văn Tuấn .

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao Chủ Tịch HĐQT 10.000.000đ/người/ tháng. Thành viên 5.000.000đ/ người / tháng. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ 1,89 % cổ phần Công ty. Các thành viên HĐQT đều có trình độ chuyên môn đại học và một số đã qua các khoá đào tạo nâng cao và đào tạo về quản trị Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban. Các thành viên HĐQT làm việc theo bảng phân công nhiệm vụ .

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết sau:

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐQT Cty	04/02/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất thông qua tình hình sản xuất kinh doanh và quyết toán tài chính năm 2012. Kết quả như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu: 172.728.158.112 đồng+ Lợi nhuận trước thuế: 14.305.786.438 đồng+ Khấu hao cơ bản: 14.050.031.382 đạt 98,4% kế hoạch.+ Tổng quỹ tiền lương: 29.324.712.532 đồng- Hội đồng quản trị thống nhất chi tăng quỹ lương năm 2012 cho Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là 212.500.000 đồng, do hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2012.- Hội đồng quản trị thống nhất mức lương năm 2013 cho Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng là:<ul style="list-style-type: none">+ Tổng giám đốc: 40.000.000 đồng/ tháng+ Phó tổng giám đốc: 25.000.000 đồng / tháng



			<p>+ Kế toán trưởng: 24.000.000 đồng/tháng</p> <p>Mức lương trên gắn với chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và khấu hao cơ bản năm 2013 được Đại hội cổ đông thông qua. Nếu lợi nhuận trước thuế năm 2013 tăng thì lương Tổng giám đốc được chi tăng với tỷ lệ gấp 2,0 lần tỷ lệ tăng lợi nhuận, lương Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được chi tăng với tỷ lệ gấp 1,5 lần tỷ lệ tăng lợi nhuận. Nếu lợi nhuận trước thuế năm 2013 giảm thì lương Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng giảm theo tỷ lệ tương ứng.</p> <ul style="list-style-type: none">- HĐQT thống nhất chủ trương đầu tư thiết bị cơ giới phục vụ sản xuất gạch, đá. Tổng giá trị đầu tư là: 5.560.000.000 đồng.- HĐQT thống nhất thanh lý tài sản máy phát điện với giá: 300.000.000 đồng chưa gồm VAT.- HĐQT thống nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu: 216.449.000.000 đồng bao gồm doanh thu nội bộ với cty con Hiệp Thịnh Phát.+ Lợi nhuận trước thuế: 22.500.000.000 đồng+ Khấu hao cơ bản: 13.255.000.000 đồng+ Tổng quỹ lương: 28.693.000.000 đồng- HĐQT thống nhất chủ trương cải tạo văn phòng Công ty.
02	Nghị quyết số: 02/2013NQ-HĐQT Cty	16/03/2013	<p>-HĐQT thống nhất việc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chào mua công khai cổ phiếu LBM</p> <ul style="list-style-type: none">+ Số lượng: 600.000 CP+ Giá chào mua: 10.500 đồng/cp+ Từ ngày 02/05/2013 đến ngày 31/05/2013
03	Nghị quyết số: 03/2013NQ-HĐQT Cty	18/03/2013	<p>- Thông nhất thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 đã kiểm toán:</p> <ul style="list-style-type: none">+Doanh thu : 202.236.802.692 đồng+Lợi nhuận trước thuế : 18.002.456.300 đồng <p>Thông nhất trình Đại hội cổ đông mức chi trả cổ tức năm 2012 là 13%.</p> <ul style="list-style-type: none">- HĐQT thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật tạm thời áp dụng và tiếp tục theo dõi, điều chỉnh. Đến cuối năm 2013 hoàn chỉnh trình HĐQT phê duyệt áp dụng chính thức cho năm 2014- HĐQT thống nhất giá trị đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất gạch, đá là 5,4 tỷ đồng (sau thuế)-HĐQT thống nhất đầu tư xe đầu kéo và rơ móc để vận chuyển xi măng cho trạm bê tông là 2,5 tỷ đồng.



			<ul style="list-style-type: none">- HĐQT thống nhất triệu tập Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 20/4/2013. Ngày chốt danh sách tham dự Đại hội là: 02/04/2013.- HĐQT thống nhất trình Đại hội cổ đông:<ul style="list-style-type: none">+ Bổ sung ngành nghề kinh doanh: kinh doanh bến xe+ Thông qua chủ trương đầu tư bến xe tại mặt bằng phân xưởng chế biến cao lanh Trại Mát và giao cho HĐQT Công ty triển khai thực hiện dự án.- HĐQT thông qua dự thảo Báo cáo đánh giá công tác quản trị Công ty năm 2012.- HĐQT thống nhất bổ nhiệm bổ sung 2 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011-2015 như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Ông Hầu Văn Tuấn+ Ông Trần Đại Hiền- Thông qua Đơn từ nhiệm Thành viên BKS của Ông Lê Nam Đồng và giới thiệu Ông Phan Đình Trung là ứng viên bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2011-2015.- HĐQT thống nhất việc chào mua công khai cổ phiếu LBM của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng thủy lợi Lâm Đồng:<ul style="list-style-type: none">+ Số lượng cổ phiếu: 600.000 cp+ Giá chào mua: 10.500 cp+ Thời gian: từ ngày 02/05/2013 đến ngày 31/05/2013.- HĐQT thống nhất giao Ban tổng giám đốc thực hiện lập hồ sơ thủ tục mua cổ phiếu lẻ LBM.
04	Nghị quyết số: 04/2013NQ-HĐQT Cty	05/04/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất đầu tư thiết bị cho Xí nghiệp bê tông Hiệp Lực nhằm tăng năng lực vận chuyển và cung ứng bê tông:<ul style="list-style-type: none">+ 01 Xe bơm cần 37m. Giá trị 5.565.000.000 đồng+ 02 xe bồn vận chuyển bê tông. Giá trị 2.480.000.000 đồng
05	Nghị quyết số: 05/2013NQ-HĐQT Cty	19/04/2013	<ul style="list-style-type: none">- Chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2013- Thống nhất thông qua kết quả sản xuất – kinh doanh quý 1/2013<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu: 50,024 tỷ đồng+ Lợi nhuận trước thuế: 5,531 tỷ đồng- Thống nhất chủ trương giảm giá bán hoặc khuyến mãi sản phẩm gạch tuynen 10% tùy theo từng đối tượng khách hàng.- Thống nhất giảm giá bán sản phẩm bê tông 02%. Nếu khách hàng trả tiền trước thì giảm giá thêm 02% trên giá bán. Áp dụng tùy đối tượng khách hàng.- Thống nhất phê chuẩn Ông Nguyễn Viết Hưng thôi giữ



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

			<p>chức Quyền Giám đốc XN Hiệp Tiến để bố trí việc khác.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thống nhất bổ nhiệm Ông Trần Văn Hiền _ Phó giám đốc XN Thạnh Mỹ – giữ chức vụ Quyền giám đốc XN Hiệp Tiến từ ngày 22/04/2013.
06	Nghị quyết số: 07/2013NQ-HDQTCty	04/06/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán DTL thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng năm 2013.
07	Nghị quyết số: 08/2013NQ-HDQTCty	08/07/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất kết quả SXKD 5 tháng đầu năm 2013:<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu: 97.677.662.000 đồng+ Lợi nhuận trước thuế: 13.128.508.000 đồng- Thanh lý tài sản cố định không cần dùng:<ul style="list-style-type: none">+ Nguyên giá: 8.504.083.408 đồng+ Giá trị còn lại: 2.126.011.093 đồng- Thống nhất trích lập dự phòng 6 tháng năm 2013: 263.006.790 đồng- Thống nhất phê duyệt đền bù mỏ Nthôn Hạ.- Thống nhất chủ trương đầu tư hệ nghiền sàng đá 250tấn/giờ và trạm trộn bê tông phân xưởng Camly.- Thống nhất bán thanh lý trạm trộn bê tông 30m³/h với giá 400 triệu chưa thuế GTGT.
08	Nghị quyết số: 09/2013NQ-HDQTCty	24/07/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất tiến hành đầu tư trạm trộn bê tông.
09	Nghị quyết số: 10/2013NQ-HDQTCty	06/08/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất tiến hành đầu tư hệ nghiền sàng đá phân xưởng Camly.
10	Nghị quyết số: 11/2013NQ-HDQTCty	20/09/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất chi phí hoàn nguyên và đền bù mỏ Nthôn hạ
11	Nghị quyết số: 12/2013NQ-HDQTCty	30/09/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất kết quả SXKD 8 tháng năm 2013:<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu: 129.347.220 đồng+ Lợi nhuận trước thuế: 18.505.195.000 đồng- Thống nhất thanh lý tài sản hết niên hạn sử dụng (xe tải ben ASIA)- Thống nhất mua 02 xe tải ben của Công ty CP Đầu tư và XD Thủy Lợi Lâm Đồng- Thống nhất thông qua quy chế Quản trị Công ty gồm 8 chương, 28 điều.- Thống nhất chi trả cổ tức còn lại năm 2012 là 5% và tạm ứng cổ tức năm 2013 là 5%
12	Nghị quyết số: 13/2013NQ-	30/12/2013	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất tạm ước kết quả SXKD năm 2013:<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu: 211.480.000.000 đồng



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

	HDQTCty		<ul style="list-style-type: none"> + Lợi nhuận trước thuế: 21.764.000.000 đồng + Khấu hao cơ bản: 14.646.000.000 đồng + Tổng quỹ tiền lương: 28.066.000.000 đồng - Thống nhất thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 là: <ul style="list-style-type: none"> + Doanh thu: 202.112.000.000 đồng + Lợi nhuận trước thuế: 21.112.000.000 đồng + Khấu hao cơ bản: 15.857.000.000 đồng + Tổng quỹ tiền lương: 27.037.000.000 đồng - Thống nhất ban hành bộ định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng từ ngày 01/01/2014 - Thống nhất Xử lý hàng tồn kho tại XN Hiệp An như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giảm giá trị hàng hóa để tiêu thụ: 652.971.216 đồng + Thanh lý tài sản kém chất lượng không sử dụng được: 45.028.006 đồng. - Thống nhất bổ nhiệm các chức vụ sau từ ngày 01/01/2014: <ul style="list-style-type: none"> + Ông Phan Ngọc Sơn : Trưởng phòng tổ chức nhân sự + Ông Nguyễn Quang Duyệt: Trưởng phòng kỹ thuật – sản xuất + Ông Lê Cao Quang: Giám đốc XN Bê tông Hiệp Lực + Ông Trần Văn Hiền: Giám đốc XN Hiệp Tiến - Thống nhất bổ sung kinh phí đền bù mỏ - Thống nhất Ban hành quy chế quản lý tài chính công ty gồm 04 chương 15 điều. Hiệu lực từ ngày 01/01/2014 - Thống nhất Ban hành quy chế Thi đua – khen thưởng gồm 8 chương 20 điều có hiệu lực từ ngày 01/01/2014 - Thống nhất chi lương tháng 13 và thưởng tết Giáp Ngọ cho CBCNV không quá 2,5 tỷ đồng - Thống nhất chi tăng lương cho Ban tổng giám đốc và kế toán trưởng do hoàn thành vượt lợi nhuận năm 2013 là: 229.200.000 đồng.
--	---------	--	--

Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu năm giữ	Lý do
---------	----------------------	---------------------	---------	---------------------------	------------------------	-------



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

1	Hầu Quách		T.T Huế			Liên Quan Ông Hầu Văn Tuấn được bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011-2015
2	Trần Thị Diễm		T.T Huế			
3	Nguyễn Thị Sương		Lâm Đồng			
4	Hầu Nguyễn Nhật Huy		Lâm Đồng			
5	Hầu Nguyễn Bảo Ngọc		Lâm Đồng			
6	Hầu Thị Liễu		T.T Huế			
7	Hầu Thị Hoa		T.T Huế			
8	Hầu Văn Vỹ		Tp. HCM			
9	Hầu Văn Vy		T.T Huế			
10	Hầu Thị Thu Thủy		T.T Huế			
11	Hầu Văn Tý		T.T Huế			
12	Trần Đại Phồ		Chết			Liên Quan Ông Trần Đại Hiền – được bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2011-2015
13	Hồ Thị Tám		T.T Huế			
14	Lê Nguyễn Hoài Thu		Lâm Đồng	6.150	0,07%	
15	Trần Đại Quang		Lâm Đồng			
16	Trần Đại Nhật		Lâm Đồng			
17	Trần Đại Hòa		Nước Mỹ			
18	Trần Đại Bình		Chết			
19	Trần Đại Thắng		T.T Huế			
20	Trần Đại Phước		T.T Huế			
21	Trần Thị Nhon		T.T Huế			
22	Trần Đại Thiện		T.T Huế			
23	Trần Đại Hiếu		T.T Huế			
24	Trần Đại Hạnh		T.T Huế			
25	Ngô Thị Hạnh		Lâm Đồng			Liên quan Ông Phan Đình Trung – được bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011-2015
26	Phan Tấn Kỳ		Đà Nẵng			
27	Đào Thị Chánh		Đà Nẵng			
28	Phan Đình Hải		Đà Nẵng			
29	Phan Thị Thương		Đà Nẵng			
30	Phan Thị Minh		Đà Nẵng			
31	Phan Thị Hồng		Đà Nẵng			
32	Phan Đình Hoàng		Đà Nẵng			
33	Phan Thị Thanh Vân		Đà Nẵng			
34	Phan Thị Kim Dung		Đà Nẵng			
35	Lê Xuân Quý		Lâm Đồng			Liên quan Ông Lê Nam Đồng – Từ nhiệm Thành viên BKS
36	Trần Thị Tân		Lâm Đồng			
37	Phan Thị Thảo Nguyên		Lâm Đồng			
38	Lê Thị Nữ Lộc		Lâm Đồng			



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

39	Lê Thị Phương Lan		Lâm Đồng			nhiệm kỳ 2011-2015
40	Lê Anh Tuấn		Lâm Đồng			

Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:
(Tính từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Cty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Ông Lê Đình Hiền – Chủ tịch HĐQT- Đại diện	059247	3.400.006	41,68%	4.500.006	55.16%	Mua
2	Trần Đại Hiền	Thành viên HĐQT	250666691			1.750	0,02%	Mua
3	Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng	250190341	21.800	0,27%	46.300	0,57%	Mua
4	Phan Thị Kim Dung	Liên quan Ông Phan Đình Trung – Thành viên BKS		3.000	0.03	0	0	Bán
5	Trần Hùng Phương		025029453	10.000	0.1%	477.310	5.85%	Mua

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan:

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	Lê Đình Hiền	Chủ Tịch HĐQT	Đà Lạt - Lâm Đồng	13,474	0.17
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên- HĐQT	Di Linh - Lâm Đồng	2,000	0.02
3	Võ Xuân Sơn	Thành viên- HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Đức Trọng - Lâm Đồng	31,000	0.38
4	Lương Minh Nhật	Thành viên- HĐQT	Thành Phố HCM	3,154	0.03
5	Lê Xuân Diệp	Thành viên- HĐQT	Thành Phố HCM	103,360	1.27
6	Vũ Ngọc Phách	Trưởng BKS	Thành Phố HCM	4,000	0.05
7	Lê Nam Đồng	Thành viên BKS	Đà Lạt - Lâm Đồng	3,756	0.05



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

8	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	Đà Lạt - Lâm Đồng		-
9	Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng	Di Linh - Lâm Đồng	21,800	0.27
10	Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	Di Linh - Lâm Đồng	60,340	0.74
11	Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng giám đốc	Đà Lạt - Lâm Đồng	10,000	0.12
<u>2/ Cổ đông tổ chức liên quan cổ đông nội bộ</u>					
1	Cty CP Đầu tư và Xây dựng Thùy lợi Lâm Đồng		Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	3,400,006	41.68
	- Người đại diện vốn: Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	Đà Lạt - Lâm Đồng		
2	Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh VLXD FICO		Quận 4, TP.HCM	341,039	4.18
	- Người đại diện vốn: Lương Minh Nhật	Thành viên HĐQT			

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm cũng như tham dự Đại hội đồng cổ đông.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Chưa thành lập tiểu ban

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

+ Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT

+ Ông Lương Minh Nhật – TV HĐQT

2/ Ban kiểm soát:

a). Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: Có 03 thành viên

STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban	CD ngoài	4,000	0,05	
2	Lê Nam Đồng	TV BKS	PP Kế toán	6		Bãi nhiệm ngày 20/4/2013
3	Nguyễn Thị Thu Hương	TV BKS	CD ngoài	Không		
4	Phan Đình Trung	TV BKS	Thư ký công ty	41.193	0,48	Bổ nhiệm ngày 20/4/0213

Cơ cấu như sau: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay có 01 thành viên đang công tác tại Công ty, 02 thành viên làm việc ngoài Công ty.



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

b). Hoạt động của Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát kiểm tra toàn diện các hoạt động của Công ty và có báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao Trưởng ban 5.000.000đ/người/tháng Thành viên 3.000.000đ/ người / tháng.

Các thành viên Ban kiểm soát đều có trình độ chuyên môn đại học và một số đã qua các khoá đào tạo nâng cao và chuyên sâu.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập tại LBM	Thu nhập tại Công ty con
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	
2	Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	450.669.680
3	Lương Minh Nhật	TV HĐQT	90.000.000	
4	Võ Xuân Sơn	TV HĐQT	372.669.500	
5	Lê Xuân Diệp	TV HĐQT	90.000.000	
6	Hầu Văn Tuấn	TV HĐQT	45.000.000	
7	Trần Đại Hiến	TV HĐQT	45.000.000	
8	Vũ Ngọc Phách	Trưởng BKS	90.000.000	
9	Phan Đình Trung (Bổ nhiệm 20/04/2013)	Thành viên BKS	104.757.000	
10	Lê Nam Đồng (Bãi nhiệm 20/04/2013)	Thành viên BKS	61.5583.000	40.000.000
11	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	48.000.000	

b/. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm có giao dịch thuê thiết bị và mua bán dịch vụ, hàng hóa với cổ đông lớn (Công Ty cổ phần & Đầu tư xây dựng thủy lợi Lâm Đồng).

c/ Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm qua, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, những quyết sách kịp thời, đúng đắn đã mang lại những hiệu quả nhất định cho Công Ty, việc quản trị tốt sẽ đem lại thành công cho Doanh nghiệp và đưa Doanh nghiệp phát triển bền vững, từ đó Công ty luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về quản trị Công Ty niêm yết.

IV. Báo cáo tài chính



1. Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL, Công ty TNHH Kiểm toán DTL là thành viên của Hệ thống RSM.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông

Các Thành viên Hội Đồng quản trị

Các Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các Công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi là Tập đoàn), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

(đã ký)

TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

(đã ký)

DIỆC LỆ BÌNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số:1714-2013-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.693.059.099	80.665.126.621
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1	18.024.727.459	25.457.505.743
1. Tiền	111		6.012.727.459	4.097.385.618
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.012.000.000	21.360.120.125
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		5.292.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.292.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2	19.213.387.098	23.039.296.815
1. Phải thu khách hàng	131		21.273.042.264	25.850.211.035
2. Trả trước cho người bán	132		2.316.647.050	568.819.000
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.904.407.839	5.517.778.556
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.280.710.055)	(8.897.511.776)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	31.825.780.598	30.353.119.368
1. Hàng tồn kho	141		32.666.623.891	31.038.327.107
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(840.843.293)	(685.207.739)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		2.337.163.944	1.815.204.695
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1.916.114.605	1.731.188.414
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.886.499	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	208.022.989	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	183.139.851	84.016.281

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83.193.259.378	76.348.304.938
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		78.962.190.771	71.807.836.234
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	75.010.988.210	69.805.052.335



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

+ Nguyên giá	222		181.442.934.949	169.632.274.324
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.431.946.739)	(99.827.221.989)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	1,397.193.397	1.679.539.869
+ Nguyên giá	228		5,046.243.358	5.058.885.373
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.649.049.961)	(3.379.345.504)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	2.554.009.164	323.244.030
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		4.231.068.607	4.540.468.704
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	3.342.335.428	3.599.185.365
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		212.651.458	305.336.609
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.12	676.081.721	635.946.730
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		159.886.318.477	157.013.431.559



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		20.397.114.238	26.441.697.331
I. Nợ ngắn hạn	310		20.327.114.238	26.371.697.331
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.13	5.673.165.765	10.416.267.745
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	1.885.954.203	2.318.674.340
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	1.520.244.276	2.171.292.181
5. Phải trả người lao động	315		8.190.563.076	8.468.714.693
6. Chi phí phải trả	316	5.15	544.934.191	65.109.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	1.459.469.922	1.434.358.771
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,052.782.805	1.497.280.601
II. Nợ dài hạn	330		70,000,000	70,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		70,000,000	70,000,000
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.049.843.096	121.379.293.533
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	131.049.843.096	121.379.293.533
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.177.824.315	11.513.765.482
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.799.404.539	3.022.664.768
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		13.066.183.037	4.836.432.078
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ	500	5.18	8.439.361.143	9.192.440.695



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	159.886.318.477	157.013.431.559
----------------------------	------------	------------------------	------------------------

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.060.379.921	3.060.379.921
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		151.372,95	24.140.58
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	203.835.334.196	202.998.218.578
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	1.149.461.176	761.415.886
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	202.685.873.020	202.236.802.692
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	148.251.271.655	149.684.693.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.434.601.365	52.552.109.674
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.381.585.530	2.298.947.301
7. Chi phí tài chính	22	6.4	39.038.689	2.089.182.413
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.449.747	1.700.713.035
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	9.349.796.871	7.848.732.322
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	21.183.161.000	26.861.563.931
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.244.190.335	18.051.578.309
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.714.852.172	2.730.782.747
12. Chi phí khác	32	6.8	2.676.285.818	2.779.904.756
13. Lợi nhuận khác	40		38.566.354	(49.122.009)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		25.282.756.689	18.002.456.300
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	6.126.046.423	3.793.273.344
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		92.685.151	(186.610.391)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		19.064.025.115	14.395.793.347
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		1.339.440.449	1.563.005.120
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		17.724.584.666	12.832.788.227
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.17.4	2.173	1,573



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã Th. số minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.282.756.689	18.002.456.300
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.882.638.904	15.027.583.057
Các khoản dự phòng	03	538.833.833	5.045.958.329
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(75.346.529)	(265.311.342)
Chi phí lãi vay	06	3.449.747	1.700.713.035
Điều chỉnh khác		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	41.632.332.644	39.511.399.379
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.047.181.833	(657.492.530)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.628.296.784)	(1.156.693.445)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(7.128.025.861)	(366.131.628)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.622.837.829	(797.089.869)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.449.747)	(1.700.713.035)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.858.549.875)	(3.113.963.852)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(545.394.991)	(1.460.201.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh		<u>30.138.635.048</u>	<u>30.259.113.915</u>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.695.849.813)	(4.761.324.853)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn			
2. khác	22	1.131.181.818	18.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.292.000.000)	(400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.517.772.912
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.050.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.278.527.563	2.416.428.925
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<u>(29.578.140.432)</u>	<u>3.841.058.802</u>



III

. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của			
doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.881.680.386	29.214.360.141
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.881.680.386)	(63.297.305.899)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.993.272.900)	(17.361.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.993.272.900)	(51.444.205.758)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(7.432.778.284)	(17.344.033.041)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.457.505.743	42.801.538.784
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	18.024.727.459	25.457.505.743



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2009. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 VND.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14/12/2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thạnh Mỹ	Nghĩa Lập, Thạnh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 331 người (31/12/2012: 344 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng



1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt	100%	100%
2.	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bó, Di Linh, Lâm Đồng	58.48%	58.48%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2003.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích cổ đông thiểu số trong lợi nhuận hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt, bao gồm lợi ích cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu cùng với những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của cổ đông thiểu số kể từ ngày hợp nhất.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, không phát sinh lợi thế thương mại.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.



Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Chi phí đền bù, khai thác mỏ
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2013

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Cây lâu năm và tài sản khác	04 - 07 năm

4.7 Tài sản cố định vô hình



Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại :

- Tại 17B Phù Đổng Thiên Vương, TP Đà Lạt : quyền sử dụng đất vô thời hạn. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại XN Thanh Mỹ : quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.8 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.
 - + Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.10 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.11 Dự phòng trợ cấp thôi việc



Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.12 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: *theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm*
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.15 Thuế

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



- + Ưu đãi, miễn giảm thuế tại Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynen Thạnh Mỹ : theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000275 ngày 13/06/2008, dự án đầu tư mở rộng nhà máy gạch Tuynen Thạnh Mỹ được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%

2. Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- + Thương mại 10%
- + Các dịch vụ khác 10%

3. Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn

4.16 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	212.513.352	461.829.406
Tiền gửi ngân hàng	5.800.214.107	3.635.556.212



Các khoản tương đương tiền	12.012.000.000	21.360.120.125
Tổng cộng	18.024.727.459	25.457.505.743

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất 7%/năm

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	21.273.042.264	25.850.211.035
Trả trước cho người bán	2.316.647.050	568.819.000
Các khoản phải thu khác	4.904.407.839	5.517.778.556
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	28.494.097.153	31.936.808.591
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.280.710.055)	(8.897.511.776)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	19.213.387.098	23.039.296.815

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn. Trong đó, phải thu bên liên quan chi tiết như sau – xem mục 8 :

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng	1.112.971.000	104.740.000
Cộng	1.112.971.000	104.740.000

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Ứng trước cổ tức cho cổ đông	-	784.695.000
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.425.873.866	4.367.273.866
Phải thu tiền vật tư Cty Thủy Lợi LD – xem mục 8	7.060.000	-
Khác	471.473.973	365.809.690
Cộng	4.904.407.839	5.517.778.556

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	9.997.960.307	10.397.178.837



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Công cụ, dụng cụ	859.558.510	715.864.692
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.829.368.950	3.308.492.533
Thành phẩm	17.505.700.447	15.153.475.297
Hàng hóa	1.474.035.677	1.463.315.748
Cộng giá gốc hàng tồn kho	32.666.623.891	31.038.327.107
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(840.843.293)	(685.207.739)
Giá trị thuần có thể thực hiện	31.825.780.598	30.353.119.368
5.5. Chi phí trả trước ngắn hạn		
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.086.424.273	1.057.033.570
Chi phí bóc tách phủ	822.351.332	397.978.955
Thuế tài nguyên chờ phân bổ	-	195.412.495
Phí bảo vệ môi trường chờ phân bổ	-	73.424.394
Khác	7.339.000	7.339.000
Tổng cộng	1.916.114.605	1.731.188.414
5.6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	208.022.989	-
Tổng cộng	208.022.989	-
5.7. Tài sản ngắn hạn khác		



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt
Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND						Tổng cộng
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	52.182.824.487	94.146.725.316	20.772.964.870	1.692.739.893	520.611.939	316.407.819	169.632.274.324
Mua trong năm	453.144.771	16.519.540.035	7.582.379.999	168.649.843	-	-	24.723.714.648
Giảm do thanh lý	(2.695.451.781)	(5.335.822.594)	(768.321.437)	(176.421.333)	-	-	(8.976.017.145)
Giảm theo TT45	(604.781.291)	(1.189.870.675)	(1.051.743.338)	(1.090.641.574)	-	-	(3.937.036.878)
Phân loại lại	(112.200.000)	(354.657.404)	466.857.404	-	-	-	-
Số dư cuối năm	49.223.536.186	103.785.914.678	27.002.137.498	594.326.829	520.611.939	316.407.819	181.442.934.949
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	27.662.940.569	57.353.195.327	12.769.269.600	1.458.417.483	318.745.401	264.653.609	99.827.221.989
Khấu hao trong năm	2.825.559.333	9.548.480.000	3.004.770.516	73.252.485	61.608.732	17.258.172	15.530.929.938
Giảm do thanh lý	(2.049.765.455)	(3.967.337.941)	(480.467.650)	(176.421.333)	-	-	(6.673.992.379)
Giảm theo TT45	(399.758.951)	(681.217.493)	(189.242.578)	(981.993.787)	-	-	(2.252.212.809)
Phân loại lại	(60.459.999)	47.802.299	12.657.700	-	-	-	-
Số dư cuối năm	27.978.515.497	62.300.922.892	15.116.987.588	373.254.848	380.354.133	281.911.781	106.431.946.739
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	24.519.883.918	36.793.529.989	8.003.695.270	234.322.410	201.866.538	51.754.210	69.805.052.335
Tại ngày cuối năm	21.245.020.689	41.484.991.786	11.885.149.910	221.071.981	140.257.806	34.496.038	75.010.988.210

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.270.526.030 đồng

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Hệ thống QL chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hầm mỏ	Phần mềm máy vi tính	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	431.993.275	1.634.797.000	2.528.795.098	463.300.000	5.058.885.373
Tăng khác	-	-	-	79.300.000	79.300.000
Giảm do thanh lý	(65.442.015)	-	-	-	(65.442.015)
Giảm theo TT45	-	-	-	(26.500.000)	(26.500.000)
Số dư cuối năm	366.551.260	1.634.797.000	2.528.795.098	516.100.000	5.046.243.358
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	415.483.280	1.120.786.000	1.825.129.454	17.946.770	3.379.345.504
Khấu hao trong năm	16.509.995	-	231.309.805	103.889.166	351.708.966
Giảm do thanh lý	(65.442.015)	-	-	-	(62.442.015)
Giảm theo TT45	-	-	-	(16.562.494)	(16.562.494)
Số dư cuối năm	366.551.260	1.120.786.000	2.056.439.259	105.273.442	3.649.049.961
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	16.509.995	514.011.000	703.665.644	445.353.230	1.679.539.869
Tại ngày cuối năm	-	514.011.000	472.355.839	410.826.558	1.397.193.397

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.606.384.260 đồng

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Sân phơi trại Mát	63.105.002	-
Cải tạo nhà làm việc	2.475.644.889	-
Máng cấp nguội	-	61.165.000
Nhà che máy xay samot hạt lớn	-	57.928.364
Chi phí đền bù mỏ N'Thon Ha	-	127.025.250
Chi phí khoan giếng	-	74.500.416
Khác	15.259.273	2.625.000
Tổng cộng	2.554.009.164	323.244.030



5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
CCDC chờ phân bổ	-	1.760.574.780
Chi phí đền bù để khai thác mỏ	640.589.813	1.226.273.985
Chi phí sửa chữa	2.549.804.386	-
Chi phí bóc tầng phủ	151.941.229	516.959.607
Khác	-	95.376.993
Tổng cộng	3.342.335.428	3.599.185.365

5.12. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ bảo vệ môi trường cho việc khai thác mỏ

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	5.673.165.765	10.416.267.745
Người mua trả tiền trước	1.885.954.203	2.318.674.340
Tổng cộng	7.559.119.968	12.734.942.085

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	145.681.115	516.531.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp	583.625.966	1.108.106.429
Thuế thu nhập cá nhân	42.583.095	80.845.235
Thuế tài nguyên	278.788.200	342.045.540
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	379.800.000	-
Các loại thuế khác	89.765.900	123.763.200
Tổng cộng	1.520.244.276	2.171.292.181



5.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2013 còn phải trả cho người lao động.

5.16. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước chi phí hoàn nguyên	487.496.491	-
Chi phí phải trả khác	57.437.700	65.109.000
Tổng cộng	544.934.191	65.109.000

5.17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	10.487.872
Kinh phí công đoàn	175.485.235	423.830.053
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.283.984.687	1.000.040.846
Tổng cộng	1.459.469.922	1.434.358.771



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt
Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc chủ sở hữu	LN sau thuế chưa PP	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	11.330.301.799	12.268.396.301	125.605.129.305
Chia cho LICDTS	-	-	-	(838.847.896)	2.033.139.878	1.194.291.982
LN trong năm trước	-	-	-	-	12.832.788.227	12.832.788.227
Trích quỹ	-	-	-	4.401.523.089	(4.936.632.328)	(535.109.239)
Chi quỹ	-	-	-	(356.546.742)	-	(356.546.742)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.361.260.000)	(17.361.260.000)
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	14.536.430.250	4.836.432.078	121.379.293.533
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	17.724.584.666	17.724.584.666
Trích quỹ	-	-	-	1.440.798.604	(1.501.560.807)	(60.762.203)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(7.993.272.900)	(7.993.272.900)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	15.977.228.854	13.066.183.037	131.049.843.096



5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ
Tổ chức trong nước	5.188.658	51.886.580.000	61,04%
Tổ chức nước ngoài	24.800	248.000.000	0,29%
Cá nhân trong nước	3.202.587	32.025.870.000	37,68%
Cá nhân nước ngoài	83.955	839.550.000	0,99%
Tổng cộng	8.500.000	85.000.000.000	100.00%

5.18.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(342.500)	(342.500)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

5.18.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	17.724.584.666	12.832.788.227
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	8.157.500	8.157.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.173	1.573

5.19. Lợi ích cổ đông thiểu số

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	9.192.440.695	8.823.727.557
Biến động lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	(2.092.520.001)	(1.194.291.982)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	1.339.440.449	1.563.005.120
Số dư cuối năm	8.439.361.143	9.192.440.695

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bentonite và giao khoán mỏ	13.404.475.440	355.561.483
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	25.524.339.543	32.708.288.642
Doanh thu gạch	53.934.960.927	63.517.292.005
Doanh thu cao lanh	35.731.023.117	33.923.769.576
Doanh thu bê tông	71.820.910.422	71.731.890.986
Doanh thu dịch vụ	2.270.163.571	-
Doanh thu thuần	202.685.876.020	202.236.802.692
6.2. Giá vốn hàng bán		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bentonite và giao khoán mỏ	12.331.739.106	319.954.747
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	19.983.838.657	30.067.653.514
Giá vốn gạch	43.628.595.434	48.954.088.963
Giá vốn cao lanh	25.658.681.869	24.426.777.166
Giá vốn bê tông	45.614.421.688	45.231.010.889
Giá vốn dịch vụ	878.359.347	-
Dự phòng hàng tồn kho	155.635.554	685.207.739
Cộng	148.251.271.655	149.684.693.018
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.278.527.563	2.185.045.363
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	-	47.282.384
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	102.925.004	66.619.554
Doanh thu hoạt động tài chính khác	132.963	-
Tổng cộng	1.381.585.530	2.298.947.301
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.449.747	1.700.713.035



Chiết khấu thanh toán	-	321.011.101
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.245.378	64.544.384
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.343.564	2.913.893
Tổng cộng	39.038.689	2.089.182.413
6.5. Chi phí bán hàng		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.337.398.689	1.612.067.692
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	2.491.292.670	1.525.079.888
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.799.144.016	1.385.515.641
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.703.253.203	2.682.547.165
Chi phí bằng tiền khác	1.018.708.293	643.521.936
Tổng cộng	9.349.796.871	7.848.732.322
6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.325.044.467	14.381.355.705
Chi phí vật liệu quản lý	1.270.951.437	1.187.246.775
Chi phí đồ dùng văn phòng	644.737.150	324.924.436
Chi phí khấu hao TSCĐ	951.283.931	1.061.344.294
Chi phí dự phòng	383.198.279	4.360.750.590
Thuế, phí và lệ phí	1.084.335.692	563.392.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.429.232	711.405.726
Chi phí bằng tiền khác	2.783.180.812	4.271.143.434
Tổng cộng	21.183.161.000	26.861.563.931
6.7. Thu nhập khác		VND



	Năm nay	Năm trước
Xử lý hàng tồn kho	1.139.870.050	1.036.899.691
Khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ nay thu lại được	51.236.500	-
Xử lý công nợ	85.181.952	674.283.088
Thu nhập cho thuê xe xúc	-	631.571.427
Bán phế liệu	-	122.017.727
Thu từ bồi thường hợp đồng	267.907.439	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.098.843.728	18.181.818
Thu nhập khác	71.812.503	247.829.076
Tổng cộng	2.714.852.172	2.730.782.747
6.8. Chi phí khác		VND
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ	-	122.992.292
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.302.024.762	2.515.820.907
Chi phí di dời nhà xưởng	117.936.364	-
Xử lý hàng tồn kho	122.818.862	-
Phạt thuế	63.252.243	-
Chi phí khác	70.253.587	141.091.557
Tổng cộng	2.676.285.818	2.779.904.756
6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		VND
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	25.282.756.689	18.002.456.300
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.621.657.528	4.450.595.423
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.814.370.259)	(3.284.902.743)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	25.090.043.958	19.168.148.980
<i>Trong đó :</i>		



Thu nhập được hưởng ưu đãi	-	3.972.102.903
Thu nhập không được hưởng ưu đãi	25.090.043.958	15.196.046.077
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	6.272.510.990	4.792.037.245
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	-	(998.763.901)
Điều chỉnh thuế của năm 2012	(146.464.567)	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	6.126.046.523	3.793.273.344

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: chi phí không hợp lý, hợp lệ; lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho khi hợp nhất

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	43.094.286.010	43.166.216.090
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.255.899.850	89.159.652.857
Chi phí công cụ, đồ dùng	6.307.649.118	1.857.435.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.807.152.704	12.900.554.038
Chi phí dự phòng	538.833.833	5.045.958.329
Thuế, phí, lệ phí	4.343.526.573	1.455.627.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.725.645.665	23.918.137.220
Chi phí khác bằng tiền	8.459.893.612	11.760.494.438
Tổng cộng	181.532.887.366	189.264.076.440

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trong nước và nước ngoài phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như :

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa
- Khai thác và chế biến cao lanh
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực
- Sản xuất gạch Tuynel
- Dịch vụ vận chuyển, bơm bê tông



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt
Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 :

	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ								
	Gốm sứ chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, Bê tông	DVVC	Cộng	Loại trừ	Tổng cộng	
Doanh thu thuần	18.246.274.012	28.248.560.982	55.495.558.089	44.920.443.522	90.021.530.071	7.314.713.910	244.247.080.586	(41.561.207.566)	202.685.873.020
GVHB	16.916.106.873	22.811.019.772	45.464.320.579	35.042.022.566	63.903.940.465	5.922.909.686	190.060.319.941	(41.809.048.286)	148.251.271.655
Lãi gộp	1.330.167.139	5.437.541.210	10.031.237.510	9.878.420.956	26.117.589.606	1.391.804.224	54.186.760.645	247.840.720	54.434.601.365
Chi phí bán hàng	52.104.759	1.172.734.750	1.104.353.101	1.000.113.304	5.771.536.745	248.954.212	9.349.796.871	-	9.349.796.871
Chi phí QLDN	2.125.352.469	3.409.464.834	4.959.081.767	4.453.164.603	5.620.507.695	648.922.964	21.216.494.333	(33.333.333)	21.183.161.000
Lợi nhuận từ HD bán hàng	(847.290.089)	855.341.626	3.967.802.642	4.425.143.049	14.725.545.165	493.927.048	23.620.469.441	281.174.053	23.901.643.494
Doanh thu tài chính	3.587.478.579	1.382.370	604.451.920	884.340	1.041.718	716.863	4.195.955.789	(2.814.370.259)	1.381.585.530
Chi phí tài chính	6.781.352	18.527.635	-	13.729.702	-	-	39.038.689	-	39.038.689
Lợi nhuận từ HD tài chính	3.580.697.227	(17.145.265)	604.451.920	(12.845.362)	1.041.718	716.863	4.156.917.100	(2.814.370.259)	1.342.546.841
Thu nhập khác	3.632.058.740	361.709.195	627.929.968	250.012.333	117.825.737	25.255.290	5.014.791.263	(2.299.939.091)	2.714.852.172
Chi phí khác	2.554.019.911	1.121.063.193	42.698.230	1.251.822.133	3.831.206	2.790.236	4.976.224.909	(2.299.939.091)	2.676.285.818
Lợi nhuận từ HD khác	1.078.038.829	(759.353.998)	585.231.738	(1.001.809.801)	113.994.532	22.465.054	38.566.354	-	38.566.354
Lợi nhuận trước thuế	3.811.445.967	78.842.363	5.157.486.299	3.410.487.886	14.840.581.415	517.108.965	27.815.952.895	(2.533.196.206)	25.282.756.689
Chi phí thuế TNDN									6.218.731.574
Lợi nhuận sau thuế									19.064.025.115
Lợi ích cổ đông thiểu số									1.339.440.449
Lợi ích của cổ đông công ty mẹ									17.724.584.666



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt
Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Doanh thu	210.569.612.691	3.677.467.895	(41.561.207.566)	202.685.873.020
GVHB	166.457.497.575	23.602.822.366	(41.809.048.286)	148.251.271.655
Chi phí bán hàng	7.782.198.043	1.567.598.828	-	9.349.796.871
Chi phí QLDN	15.926.018.010	5.290.476.323	(33.333.333)	21.183.161.000
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	20.403.899.064	3.216.570.377	281.174.053	23.901.643.494
Thu nhập tài chính				1.381.585.530
Chi phí tài chính				39.038.689
Thu nhập khác				2.714.852.172
Chi phí khác				2.676.285.818
Thuế TNDN				6.218.731.574
Lợi ích của cổ đông thiểu số				1.339.440.449
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				17.724.584.666

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Tài sản bộ phận	180.287.086.142	326.267.542	(21.454.794.076)	159.158.559.608
Tài sản không phân bổ	-	-	212.651.458	212.651.458
Tổng tài sản	180.287.086.142	326.267.542	(21.242.142.618)	159.371.211.066
Nợ phải trả bộ phận	27.625.779.274	262.696.754	(8.006.469.201)	19.882.006.827
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	27.625.779.274	262.696.754	(8.006.469.201)	19.882.006.827



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt
Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 :

	Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ	Gốm sứ chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, Bê tông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	10.679.874.115	33.043.335.642	63.517.292.005	37.460.783.362	86.811.146.086	(29.275.628.518)	202.631.549.692
GVHB	9.234.011.939	31.087.908.253	49.932.609.230	28.014.685.856	60.139.109.136	(28.723.631.396)	150.079.440.018
Lãi gộp	1.122.342.188	1.955.427.389	13.584.682.775	9.446.097.506	26.672.036.950	(551.997.122)	52.552.109.674
Chi phí bán hàng	212.387.337	1.456.930.359	565.856.802	683.543.736	4.930.014.088	-	7.848.732.322
Chi phí QLDN	9.377.518.546	3.630.038.361	5.680.581.201	2.899.207.076	5.279.774.303	(5.555.556)	26.861.563.931
Lợi nhuận từ HD bán hàng	(8.467.563.696)	(2.808.021.343)	7.338.244.772	5.863.346.694	16.462.248.559	(546.441.566)	17.841.813.421
Doanh thu tài chính	4.442.333.937	22.337.290	1.052.271.142	9.792.814	9.842.397	(3.237.630.279)	2.298.947.301
Chi phí tài chính	208.792.218	898.731.505	131.604.468	443.087.625	406.966.597	-	2.089.182.413
Lợi nhuận từ HD tài chính	4.233.541.719	(876.394.215)	920.666.674	(433.294.811)	(397.124.200)	(3.237.630.279)	209.764.888
Thu nhập khác	1.360.141.819	312.713.112	1.040.722.967	39.561.522	177.643.327	(200.000.000)	2.730.782.747
Chi phí khác	80.535.866	1.429.021.687	499.652.990	617.750.816	152.943.396	-	2.779.904.756
Lợi nhuận từ HD khác	1.279.605.953	(1.116.308.575)	541.069.977	(578.189.294)	24.699.931	(200.000.000)	(49.122.009)
Lợi nhuận trước thuế	(2.954.416.024)	(4.800.724.133)	8.799.981.423	4.851.862.589	16.089.824.290	(3.984.071.845)	18.002.456.300
Chi phí thuế TNDN hiện hành							3.793.273.344
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							(186.610.391)
Lợi nhuận sau thuế							14.395.793.347
Lợi ích cổ đông thiểu số							1.563.005.120
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ							12.832.788.227



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Doanh thu	199.558.577.869	31.953.853.341	(29.275.628.518)	202.236.802.692
GVHB	150.230.424.699	28.177.899.715	(28.723.631.396)	149.684.693.018
Chi phí bán hàng	6.880.283.864	968.448.458	-	7.848.732.322
Chi phí QLDN	23.891.028.720	2.976.090.767	(5.555.556)	26.861.563.931
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	18.556.840.586	(168.585.599)	(546.441.566)	17.841.813.421
Thu nhập tài chính				2.298.947.301
Chi phí tài chính				(2.089.182.413)
Thu nhập khác				2.730.782.747
Chi phí khác				(2.779.904.756)
Thuế TNDN				(3.606.662.953)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				1.563.005.120
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				12.832.788.227

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 :

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Tài sản bộ phận	186.150.846.313	886.686.690	(20.746.718.538)	166.290.814.465
Tài sản không phân bổ	(9.582.719.515)	-	305.336.609	(9.277.382.906)
Tổng tài sản	176.568.126.798	886.686.690	(20.441.381.929)	157.013.431.559
Nợ phải trả bộ phận	32.976.390.209	-	(6.534.692.878)	26.441.697.331
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	32.976.390.209	-	(6.534.692.878)	26.441.697.331



8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn

Tên công ty Mối quan hệ

1. Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng Công ty mẹ

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - Xem thêm mục 5.2	1.120.031.000	104.740.000

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	1.780.189.948	371.168.636
Bán TSCD	363.636.364	-
Mua hàng	-	96.000.000

- Thù lao Hội đồng quản trị, thù lao Ban kiểm soát và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị của các công ty trong Tập đoàn	1.210.000.000	672.000.000
Lương Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn	2.589.091.585	1.808.226.223
Tổng cộng	3.799.091.585	2.480.226.223

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.024.727.459	25.457.505.743
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.125.166.062	21.319.973.125
Đầu tư ngắn hạn	5.292.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	676.081.721	635.946.730
Tổng cộng	41.117.975.242	47.413.425.598
Công nợ tài chính		
Phải trả nhà cung cấp	5.673.165.765	10.416.267.745
Chi phí phải trả	544.934.191	65.109.000
Tổng cộng	6.218.099.956	10.481.376.745

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	167.116,92	67.311,71

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	5.673.165.765	-	5.673.165.765
Chi phí phải trả	544.934.191	-	544.934.191
Cộng	<u>6.218.099.956</u>	<u>-</u>	<u>6.218.099.956</u>
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	10.416.267.745	-	10.416.267.745
Chi phí phải trả	65.109.000	-	65.109.000
Cộng	<u>10.481.376.745</u>	<u>-</u>	<u>10.481.376.745</u>

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Dưới 1 năm Từ 1- 5 năm Tổng cộng



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

31/12/2013

Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.125.166.062	-	17.125.166.062
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng

Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.319.973.125	-	21.319.973.125
--------------------------------------	----------------	---	----------------

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2014

(Toàn bộ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 được đăng tải trên website công ty: [www.lbm-vn.vn](http://www.lbm.vn.vn)).

Đà Lạt, ngày 08 tháng 04 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN AN THÁI